

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu V**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Kiệt x đường Âu Cơ, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Bùi Thanh S**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Kiệt x đường Âu Cơ, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thu V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu V và ông Bùi Thanh S tìm hiểu được thời gian thì quyết định kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Khánh (nay là phường Hòa Khánh Bắc), quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn bà V, ông S về chung sống tại tổ 69, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà V, ông S không hiểu nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông S đánh đập bà V do ông S ghen tuông. Ngoài ra ông S làm không đưa tiền cho bà V, ông S dùng tiền làm ra chi tiêu cá nhân, để bà V tự lo cho các con và gia đình. Nay bà V xác định tình cảm của bà V không còn với ông S, mục đích hôn nhân không đạt được, bà V không thể kéo dài đời sống hôn nhân với ông S. Vì vậy bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông S.

- Về con chung: Bà V xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông S có 02 con chung: Bùi Thị Như Y, sinh ngày 23.8.2004 và Bùi Thanh S, sinh ngày 15.01.2006. Ly hôn bà V có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, bà V yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản chung: Bà V xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà V, ông S có tài sản chung gồm những tài sản sau đây: 01 ngôi nhà cấp 4 tại tổ 69, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; 01 chiếc xe Air Black và 01 bộ máy làm nghề mộc. Ly hôn bà V yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 25.3.2020 và tại phiên tòa bà Trần Thị Thu V vẫn giữ nguyên không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà V xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông S không có nợ chung.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Thanh S không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông S vắng mặt lần hai, không có lý do.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Thu V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Bùi Thanh S không tham gia quá trình tố tụng, không tham dự phiên tòa

là đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu V đối với ông Bùi Thanh S.

+ Về con chung: Giao 02 con chung Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 23.8.2004 và Bùi Thanh Sáng, sinh ngày 15.01.2006 cho bà V nuôi dưỡng và ông S cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ.

+ Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu V có đơn yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà tại tổ 69, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; 01 chiếc xe Air Black và 01 bộ máy làm nghề thợ mộc. Ngày 25.3.2020, bà V có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà V về phần tài sản chung.

+ Về nợ chung: Dương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Bùi Thanh S, nhưng tại phiên tòa ông S vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] *Về nội dung:* Bà Trần Thị Thu V và ông Bùi Thanh S đăng ký kết hôn vào ngày 21.8.2003, vào sổ số 154, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh (nay là phường Hòa Khánh Bắc), quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà V, ông S là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông S không có văn bản phản hồi với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà V. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống đến năm 2018 vợ chồng ông S, bà V bắt đầu phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà V trình bày là do ông S ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập bà V. Ngoài ra ông S làm về không đưa tiền cho bà V, ông S không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Bà V nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không hòa hợp nhau về mặt mọi mặt. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà V, ông S có nhiều mâu thuẫn và ông S đánh đập bà V như lời trình bày của bà V là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông S không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà V và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà V đối với ông S, xử cho bà V được ly hôn với ông S.

[3] *Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông S có 02 con chung: Bùi Thị Như Ý và Bùi Thanh Sáng. Bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Ý và cháu Sáng đủ 18 tuổi.

Xét hiện nay con chung Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 23.8.2004 và Bùi Thanh Sáng, sinh ngày 15.01.2006 đang sinh sống ổn định cùng với bà V và được bà V nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo lời trình bày có tại hồ sơ vụ án, cháu Ý và cháu Sáng có nguyện vọng được ở với mẹ, nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án ông S không thể hiện ý kiến mong muốn nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ý, cháu Sáng cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà V yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi cháu Ý và cháu Sáng mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu hai cháu đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án ông S không có ý kiến phản hồi, tại phiên tòa bà V khai ông S làm nghề mộc, có thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000đ. Bà V yêu cầu ông S cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của bà V.

[4] *Về tài sản chung:* Bà Trần Thị Thu V rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung và tại phiên tòa bà V vẫn giữ nguyên, không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung là ngôi nhà tại tổ 69, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; 01 chiếc xe Air Black và 01 bộ máy làm nghề thợ mộc. Hội đồng xét xử thấy việc rút đơn của bà V là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện

của bà V về phần tài sản chung. Trường sau khi ly hôn nếu các đương sự có yêu cầu giải quyết về phần tài chung chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] *Về nợ chung*: Bà V xác định bà và ông S trong thời kỳ hôn nhân không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà V phải chịu được, án phí về cấp dưỡng nuôi con chung ông Bùi Thanh S phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung bà V đã nộp, do đình chỉ giải quyết phần tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 217, 218, 219, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu V đối với ông Bùi Thanh S về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*”.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Thu V được ly hôn với ông Bùi Thanh S.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 23.8.2004 và Bùi Thanh Sáng, sinh ngày 15.01.2006 cho bà Trần Thị Thu V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Ý, cháu Sáng đủ 18 tuổi. Ông Bùi Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000đ). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Ý, cháu Sáng đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V đối với tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà tại tổ 69, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; 01 chiếc xe Air Black và 01 bộ máy làm nghề mộc.

Trường hợp sau khi ly hôn nếu các đương sự có yêu cầu về tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về nợ chung: Không có.

4. Án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà V phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà V đã nộp theo biên lai thu số 0004101 ngày 13.12.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu - thành phố Đà Nẵng.

- Án phí về cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đ ông Bùi Thanh S phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 1.750.000đ do bà V đã nộp theo biên lai thu số 0004102 ngày 13.12.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu - thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng